

TIỂU VÙNG VĂN HOÁ XỨ NGHỆ

NGÔ ĐỨC THỊNH

1. Xứ Nghệ, một cách gọi dân gian, giống như Xứ Huế, Xứ Thanh ..., để chỉ vùng đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay. Xứ Nghệ còn có tên là Nghệ Tĩnh, cách gọi rút ngắn từ hai tên riêng là Nghệ An và Hà Tĩnh. Khác với tên Xứ Nghệ, tên Nghệ Tĩnh không chỉ là cách gọi thông thường, mà có lúc được dùng làm tên gọi chính thức của một tỉnh - tỉnh Nghệ Tĩnh, do sáp nhập hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh vào một, tồn tại từ năm 1975 đến 1991. Việc sáp nhập và chia tách giữa Nghệ An và Hà Tĩnh không phải chỉ là sự kiện mới đây như vừa nêu, mà còn là chuyện lịch sử nữa.

Thời nhà Hán cai trị nước ta, vùng đất Xứ Nghệ được gọi là Hàm Hoan, coi đó như là một huyện của quận Cửu Chân (gồm cả Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay). Đến thế kỷ III, người Hán đổi tên Hàm Hoan thành Cửu Đức, đến thời Đường lại đổi thành Hoan Châu. Đến cuối thế kỷ VIII, đô hộ nhà Đường lại tách Hoan Châu thành hai phần, phần phía bắc gọi là Diễn Châu, phần phía nam vẫn giữ tên cũ là Hoan Châu.

Thời kỳ đầu của phong kiến tự chủ Đại Việt vẫn dùng địa danh Hoan Châu và Diễn Châu. Tuy nhiên, đến đời Lý Thái Tông (1033), nhà nước gộp Hoan Châu và Diễn Châu thành một đơn vị hành chính, đặt tên mới là Nghệ An. Như vậy, cái tên Nghệ An chính thức ra đời từ thời nhà Lý, thế kỷ XI. Sau đó, thời nhà Trần và nhà Hồ, Nghệ An được phân chia thành các trấn, lộ, phủ như trấn Vọng Giang, trấn Lâm An, phủ Lãnh Nguyên... Mãi tới năm

Quang Thuận thứ 10 đời Lê Thánh Tông (1469), nhà nước Đại Việt lại nhập Hoan, Diễn làm một và gọi chung là thừa tuyên Nghệ An; đến Gia Long thời Nguyễn đổi thừa tuyên Nghệ An thành trấn Nghệ An. Thời Minh Mạng, tách trấn Nghệ An thành hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh và tồn tại suốt đến năm 1975, trước khi sáp nhập thành tỉnh Nghệ Tĩnh và tồn tại đến năm 1991¹.

Như vậy, suốt hàng nghìn năm nay, các triều đại của nhà nước đô hộ, phong kiến tự chủ và d-ối chính thể của nhà nước Việt Nam đều tiến hành việc tách nhập giữa Hoan và Diễn, Nghệ An và Hà Tĩnh. Điều này cũng có cơ sở tự nhiên, xã hội và văn hoá của nó. Theo GS. Đinh Gia Khánh "Nếu xét về mặt quản lý hành chính thì chia làm hai cũng có mặt thuận tiện. Nhưng xét về mặt văn hoá thì gộp làm một lại hợp lý hơn. Nhân dân gọi vùng Nghệ Tĩnh là Xứ Nghệ. Xét cho kỹ thì Nghệ Tĩnh tuy một mà hai và mặt khác Nghệ An và Hà Tĩnh tuy hai mà một"².

2. Xứ Nghệ là vùng đất nằm ở bắc Trung Bộ nước ta, trải dài từ 17^o53' đến 20^o02' vĩ bắc và từ 103^o02' đến 106^o30' độ kinh đông, diện tích rộng 22.502 km². Nghệ Tĩnh có đường biên giới dài 564 km ở phía tây với nước Lào, có đường biển ở phía đông dài 230 km. Theo chiều ngang, chỗ hẹp nhất trên đất liền là 80 km (Hà

¹ Quốc sử quán Triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*, T.2, Nxb. KHXH, H, 1970.

² Đinh Gia Khánh, Cù Huy Cận (chủ biên). *Các vùng văn hoá Việt Nam*, Nxb. Văn học, H, 1995.

Tĩnh), chỗ rộng nhất 200km (Nghệ An)³. Phía bắc Xứ Nghệ giáp với Thanh Hoá (Xứ Thanh), còn phía nam ngăn cách với Quảng Bình bởi dãy Hoàng Sơn, trải từ bắc xuống nam gần 300 km.

Nh- vậy, so với Xứ Thanh, Xứ Huế, Xứ Quảng ở miền Trung, tiểu vùng văn hoá Xứ Nghệ có diện tích rộng nhất, trải trên 25 huyện, thành phố, thị xã. Trong một vùng lãnh thổ nh- vậy, thiên nhiên Xứ Nghệ thật *đa dạng, phong phú và khắc nghiệt*. Đặc điểm thiên nhiên này đã để lại những dấu ấn trong đời sống kinh tế, xã hội và văn hoá của c- dân Xứ Nghệ. Sách *Đại Nam nhất thống chí* gọi đất Nghệ An là "*đất tứ tắc*", ý nói vùng này bốn bề hiểm trở.

Môi tr- ờng tự nhiên Xứ Nghệ chia thành ba phần: Đồi núi trùng điệp phía tây, biển mênh mông ở phía đông và đồng bằng ở trung tâm. Tuy nhiên, nhiều nơi rừng núi, biển cả và đồng bằng xen cài, gối kết vào nhau, tạo nên cảnh sắc thiên nhiên vừa đa dạng vừa kỳ thú:

*Đờng vô Xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nớc biếc nh tranh họa đồ
Ai vô Xứ Nghệ thì vô*

Vùng rừng núi và trung du là địa hình quan trọng chiếm phần lớn đất đai Xứ Nghệ. Rừng núi phía tây Xứ Nghệ chủ yếu tạo nên do hai hệ thống núi, *núi Phu Hoạt* ở phía bắc thuộc th- ợng nguồn sông Cả và dãy bắc *Trờng Sơn* nối tiếp ở phía nam. Các hệ thống núi non trên có những đỉnh núi khá cao, nh- đỉnh Phu Hoạt cao 2453 m, Phu Lai Leng cao 2711 m - đỉnh cao nhất của dãy núi bắc Tr- ờng Sơn, mà dân gian gọi là dãy *Giăng Màn*, tạo thành biên

giới tự nhiên giữa Nghệ Tĩnh với n- ớc Lào. Lùi về phía nam là các đỉnh Giăng Màn, Ông Giao (1407 m), địa hình rất hiểm trở, là căn cứ kháng chiến của nghĩa quân Phan Đình Phùng chống Pháp.

Chuyển tiếp giữa vùng núi cao và đồng bằng là các dãy đồi thấp, mang tính chất nh- vùng trung du, trải rộng từ Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Anh Sơn ở phía bắc đến Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh ở phía nam. Vùng đồi thấp này x- a kia có thảm rừng m- a bao phủ, nay bị tàn phá chỉ còn đôi trọc.

Đồng bằng Nghệ Tĩnh - ớc tính khoảng 3.400 km², chiếm 15% diện tích toàn vùng, tạo thành các đồng bằng nhỏ, nh- Quỳnh L- u, Yên Thành, Diễn Châu, Nghi Lộc, H- ng Nguyên, Nam Đàn, Nghi Xuân, Đức Thọ, Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh ... Các đồng bằng ở Xứ Nghệ th- ờng nhỏ hẹp vì không có đồng bằng châu thổ và bị các nhánh núi đâm ra biển xé lẻ, độ dinh d- ỡng trong đất nghèo, vùng giáp biển lại hay bị nhiễm mặn. Tuy nhiên, từ rất lâu đời các vùng đồng bằng nhỏ hẹp và kém phì nhiêu này là địa bàn trồng trọt lúa và hoa màu nuôi sống hàng triệu con ng- ời Xứ Nghệ.

Xứ Nghệ có đ- ờng bờ biển dài 230 km, chiếm khoảng 7% chiều dài đ- ờng bờ biển n- ớc ta. Điều đó cho thấy môi tr- ờng biển có vị trí quan trọng nh- thế nào trong đời sống vật chất và tinh thần của c- dân vùng này. Biển ở đây th- ờng là biển nông, có nhiều nhánh núi nhô ra biển tạo thành các mũi, nh- : mũi Đầu Rồng, Lạch Quèn, Cửa Lò, C- ợng Gián, Mũi Sốt, Cửa Nh- ợng... Hệ thống sông ngòi đổ ra biển khá nhiều: Cửa Hội, Cửa Tráp, Cửa Vạn, Cửa Lò, Cửa Nh- ợng, Cửa Khẩu... Hệ thống *mũi* và *cửa* kể trên tạo cho đ- ờng bờ

³ Nhiều tác giả. *Nghệ Tĩnh hôm qua và hôm nay*. Nxb. Sự Thật, H, 1986.

biển ở đây có nhiều vịnh, vũng, đầm, thuận tiện cho đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, cũng như hệ thống đảo lớn nhỏ, như đảo Nghi Sơn, Hòn Ngai, Hòn Mát, Hòn Én, Hòn Bốc, đảo Con Chim, Sơn D-ông..., làm tăng lên đáng kể vẻ đẹp thiên nhiên cũng như tính chất "biển" trong đời sống con người ở đây⁴.

Thiên nhiên vốn không ưu đãi cho Xứ Nghệ, còn khí hậu thì thật khắc nghiệt. Mùa đông thì quá ẩm ướt, mùa hè khô nóng, có nhiều đợt giông bão từ biển Đông tràn vào, có những đợt gió khô nóng từ Lào tràn sang làm khô cháy mọi cỏ cây, sinh vật; rồi lũ lụt xảy ra thường xuyên. Những lúc đó con người chỉ biết van trời.

Trời làm trò mưa giông

Trời làm hai trò mưa giông

Nước chảy băng đồng, băng hói, băng bãi, băng sông

Như vậy, chúng ta có thể kể tới các hệ sinh thái chính của Xứ Nghệ: *Đồi núi, trung du, đồng bằng, biển*, trong đó có thể phân chia thành các dạng sinh thái nhỏ hơn, phù hợp với tính đa dạng về cảnh quan địa lý từng địa phương. Chính vì thế, người ta đã phân chia Xứ Nghệ thành 7 khu vực địa lý cảnh quan thuộc hai miền. Miền Đông, gồm 4 khu vực: *khu vực 1* (Quỳnh Lưu, Yên Thành, Diễn Châu), *khu vực 2* (Nghi Lộc, Nghi Xuân, Can Lộc, Đức Thọ), *khu vực 3* (Anh Sơn, Đô Lương, Thanh Chương, Nam Đàn, Hưng Nguyên và thành phố Vinh), *khu vực 4* (Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh). Miền Tây gồm 3 khu vực: *khu vực 5* (Hưng Sơn, Hưng Nguyên, Khê-thung lưng sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố), *khu vực 6* (T-ông D-ông, Kỳ Sơn, Con Cuông), *khu vực 7* (Nghĩa Đàn, Quỳnh

Châu, Quỳnh Hợp, Quế Phong, Tân Kỳ- trên địa bàn Sông Hiếu, sông Con)⁵.

3. Với sự hiểu biết hiện nay, Xứ Nghệ thuộc vùng có con người sinh sống sớm và vùng tạo dựng nền văn hoá văn minh Việt Nam. Với phát hiện di chỉ khảo cổ ở hang Thẩm Òm, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy rằng người cùng với xương cốt động vật thời cánh tân, cách ngày nay từ 3 triệu đến một vạn năm. Đó là di tích đánh dấu quá trình chuyển biến từ vượn thành người khôn ngoan (*Homo sapiens*).

Cùng với văn hoá Sơn Vi ở Bắc Bộ (hậu kỳ đá cũ), Xứ Nghệ đã tìm thấy các di chỉ khảo cổ cùng thời, như Đồi Trũng (Thanh Đồng), Đồi Rạng (Thanh Hưng, Thanh Chương) bên bờ sông Lam cách ngày nay từ hai vạn đến một vạn năm. Tiếp theo, các di chỉ khảo cổ thuộc văn hoá Hoà Bình cũng tìm thấy ở các hang động đá vôi ở Quế Phong, Con Cuông, T-ông D-ông, Tân Kỳ, Quỳnh Châu... cách ngày nay trên dưới một vạn năm, khi con người từ săn bắt, hái lượm chuyển sang trồng trọt.

Nếu các di chỉ văn hoá Bắc Sơn thuộc sơ kỳ đá mới còn ít tìm thấy ở Nghệ Tĩnh, thì nơi đây đã tìm thấy *di tích khảo cổ cồn sò điệp* (người địa phương gọi là Cồn Điệp, Rú Điệp) thuộc văn hoá khảo cổ Quỳnh Văn (Quỳnh Lưu, Nghệ An). Chủ nhân của văn hoá Quỳnh Văn đã biết khai thác tài nguyên thiên nhiên ở vùng sinh thái của các nhánh núi ăn ra biển, ở đó tính đa dạng sinh thái cao và các nguồn tài nguyên khá phong phú, nhất là tài nguyên rừng núi và biển.

Thuộc giai đoạn *hậu kỳ đá mới*, địa bàn sinh tụ của con người mở rộng ra cả núi và

⁴ Nhiều tác giả. *Nghệ Tĩnh hôm qua và hôm nay*. Sđd.

⁵ Nguyễn Đông Chi (chủ biên). *Địa chỉ văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh*. Nxb. Nghệ An, 1995.

đồng bằng, ven biển. Cùng thời với di tích Bàu Tró (Quảng Bình), ng- ời ta đã tìm thấy nhiều di tích khảo cổ ở Xứ Nghệ, nh- Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Đức Thọ, Can Lộc, Nghi Xuân, Diễn Châu, Quỳnh L- u... C- dân hậu kỳ đá mới đã biết trồng trọt, làm gốm, mài và khoan đá hoàn hảo, chuẩn bị b- ớc vào thời kim khí.

Trên mảnh đất Xứ Nghệ, ng- ời ta đã tìm thấy nhiều di chỉ khảo cổ thuộc văn hoá tiền Đông Sơn và Đông Sơn, nh- Trại Ổi (Quỳnh L- u), Đồi Dền (T- ơng D- ơng), Lèn Hai Vai (Diễn Châu), Rú Trăn (Nam Đàn). Đó là sự khởi đầu cho văn hoá Đông Sơn phát triển ở l- u vực Sông Lam, nh- Làng Vạc, Đồng Mỏm (Diễn Châu), Xuân An (Nghi Xuân)... Vào giai đoạn Đông Sơn, nghề đúc đồng ở đây đã đạt tới mức cực thịnh. Ở làng Vạc đã tìm thấy khuôn đúc rìu và dao găm bằng sa thạch, ở Đồng Mỏm tìm thấy muôi đúc đồng bằng đất nung còn dính nhiều xỉ đồng. Đó là bằng cứ cho sự phát triển tại chỗ của nghề đúc đồng ở Nghệ Tĩnh. Các công cụ kim khí có nhiều kiểu loại, nh- l- ưỡi cày, l- ưỡi cuốc, xẻng, thuổng, rìu, đục, mũi nhọn ...; nhiều loại đồ đựng, nh- âu, thố, thạp, chảo, xanh; những đồ dùng đẹp nh- khoá thắt l- ạt, môi, lục lạc có trang trí đẹp; nhiều thứ vũ khí nh- dao găm, dáo, mũi lao, mũi tên... Trong các di chỉ Đông Sơn ở Xứ Nghệ còn tìm đ- ợc nhiều đồ trang sức, nh- khuyên tai, vòng tay, vòng ống chân có chuông và lục lạc. Di vật t- ợng tr- ợng cho văn hoá Đông Sơn là trống đồng cũng tìm thấy ở Làng Vạc, Rú Quyết, Đông Hiếu. Nghề luyện sắt cũng có những b- ớc tiến đáng kể trong giai đoạn văn hoá Đông Sơn: các lò luyện sắt ở Đồng Mỏm (Diễn Châu), Xuân Giang (Nghi Xuân) đã đ- ợc phát hiện. Với những cứ liệu trên chứng tỏ

Nghệ Tĩnh đã từng là một *trung tâm của văn hoá Đông Sơn*.

Con ng- ời sinh sống trên mảnh đất Xứ Nghệ thời Đông Sơn chắc hẳn là ng- ời Việt Cổ, mà địa bàn c- trú của nó là đồng bằng Bắc Bộ và bắc Trung Bộ, cùng với những ng- ời láng giềng phía nam của họ (nam sông Gianh) là ng- ời Sa Huỳnh, miền núi phía tây là c- dân Môn-Khơ me cổ và phía bắc là những ng- ời Tày-Thái cổ. Đó cũng là địa bàn hình thành tộc ng- ời Việt Cổ, nhà n- ớc cổ đại Văn Lang- Âu Lạc. Văn hoá Làng Vạc tại Nghệ An tuy mang một số những sắc thái địa ph- ơng, nh- ng vẫn thuộc nền văn hoá Đông Sơn mà chủ nhân chính là những ng- ời Việt cổ.

Trải qua thời Bắc Thuộc và thời kỳ đầu phong kiến tự chủ, đã có sự phân hoá nhất định giữa c- dân đồng bằng Bắc Bộ và bắc Trung Bộ. Do tác động của các nhân tố xã hội và giao l- u ảnh h- ưởng văn hoá, ng- ời Việt cổ dần trở thành ng- ời Việt hiện đại, xét cả trên ph- ơng diện nhân chủng và văn hoá. Đặc biệt, đồng bằng Bắc Bộ thuộc "tứ trấn nội kinh" trực thuộc kinh đô Thăng Long, trình độ phát triển kinh tế-xã hội cao hơn các vùng khác, lại chịu ảnh h- ưởng trực tiếp của văn minh Trung Hoa, trong khi đó vùng Thanh Hoá và đặc biệt là vùng Châu Hoan, Châu Ái, đ- ợc coi là *"vùng" trấn ngoại"*, *"vùng" trại"*, nên về trình độ phát triển kinh tế-xã hội có phần thấp hơn, những giao l- u ảnh h- ưởng văn hoá Trung Hoa có phần bị hạn chế. Do vậy nơi đây còn giữ lại nhiều yếu tố văn hoá Việt cổ hơn là vùng trung châu Bắc Bộ, thể hiện trên ph- ơng diện ngôn ngữ, phong tục, nghi lễ...

Nếu đồng bằng và ven biển Xứ Nghệ là nơi sinh sống của ng- ời Kinh (Việt), thì miền tây đồi núi trùng điệp lại là địa bàn

sinh tụ của các tộc thiểu số, nh- Thái, Khơ mú, Thổ, Ô- đư, Hmông..., trong đó ng- ời Thái, Hmông là các nhóm tộc ng- ời từ nơi khác di c- tới cách ngày nay khoảng mấy thế kỷ; còn lại các tộc nói ngôn ngữ Việt - M- ờng (Thổ...), Môn-Khơme (Khơ- mú) lại là các tộc bản địa, sinh sống lâu đời cùng với ng- ời Việt. Điều đó nói rằng, Xứ Nghệ vốn x- a là vùng không chỉ đa dạng môi tr- ờng tự nhiên, mà còn đa dạng chủng tộc, tộc ng- ời, tạo nên bức tranh đa dạng văn hoá.

4. Xứ Nghệ là một mảnh đất lịch sử nằm trong dòng chảy suốt chặng đ- ờng lịch sử mấy ngàn năm của dân tộc. B- ớc vào thời Bắc thuộc một ngàn năm vừa chống ngoại xâm, chống đồng hoá, vừa giao l- u văn hoá sống động, Xứ Nghệ luôn góp vào với cả dân tộc những sự kiện đáng ghi nhớ. Sử cũ chép rằng, khi cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Tr- ng ở Giao Chỉ thất bại, thì một nữ t- óng của Hai Bà là Đô D- ơng ở quận Cửu Chân (gồm Thanh Nghệ Tĩnh) vẫn tiếp tục kháng chiến một thời gian dài nữa. Giữa thế kỷ VI, anh ruột của Lý Nam Đế là Lý Thiên Bảo cùng với Lý Thiệu Long đánh chiếm đ- ọc Cửu Chân (Hà Tĩnh ngày nay) và tiến hành chiến tranh chống giặc L- ơng. Đầu thế kỷ VIII, Mai Thúc Loan, đ- ọc mệnh danh là "Vua Đen" (Mai Hắc Đế) đã khởi nghĩa, giải phóng đ- ọc một vùng rộng lớn gồm Châu Hoan, Châu Diễn và Ái Châu, sau đó x- ng đế và xây thành ở Vạn An.

Trong thời kỳ Đại Việt, Xứ Nghệ giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp giữ n- ớc và xây dựng đất n- ớc. Lê Tử Tấn nói rằng "Các triều đại lấy đấy (Nghệ An) chế ngự ng- ời Tây nam di", coi đó nh- là phen dậu phía nam của Đại Việt tr- ớc thời Lý-Trần. Từ thời tiền Lê, Lê Đại Hành đã cho đào kênh Sát để mở mang, phát triển kinh

tế vùng này. Thời Trần, nhà n- ớc đã mở nhiều doanh điền, gọi là các trại canh tác Định Phiên từ nghi Xuân tới Kỳ Anh, vừa làm kinh tế vừa ổn định nơi phiên trấn. Thời nhà Trần, Diễn Châu là một th- ơng phố thu hút th- ơng nhân từ các n- ớc đến buôn bán (Chăm Pa, Gia Va, Nhật Bản ...).

Trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông, khi quân giặc đã đánh chiếm nhiều nơi ở Bắc Bộ, kể cả Thăng Long, thì nhà Trần vẫn coi Hoan Diễn là đất dự trữ binh lực để kháng chiến lâu dài :

Cối Kê cứu sự quân tu kỹ

Hoan Diễn do tôn thập vạn binh

Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, d- ới sự lãnh đạo của Lê Lợi, t- óng Nguyễn Chích dựa vào Nghệ Tĩnh "là nơi hiểm yếu, đất rộng ng- ời đông", từ Thanh Hoá đã đánh chiếm lấy Nghệ An để mở rộng hậu ph- ơng, từ đó tạo nên thanh thế ngày càng to lớn của nghĩa quân, đánh đuổi giặc Minh, giành thắng lợi cuối cùng.

Thời Tây Sơn, nhận thấy vị trí quan trọng của Xứ Nghệ, nơi trung gian giữa Phú Xuân và Thăng Long, đã chủ tr- ơng xây thành Ph- ợng Hoàng Trung Đô ở Nghệ An⁶.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, từ các phong trào Cần V- ơng và Văn thân đến phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh và mặt trận dân chủ Đông D- ơng, nhân dân Xứ Nghệ đều có đóng góp to lớn. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu n- ớc, giải phóng miền Nam và thống nhất đất n- ớc đều có sự đóng góp và hy sinh to lớn của con ng- ời Xứ Nghệ.

⁶ Đinh Gia Khánh, Cù Huy Cận (chủ biên). *Các vùng văn hoá Việt Nam*, Nxb.KHXH. H,1995.

5. Nói đến Xứ Nghệ, điều tr- ớc tiên không thể không nói tới là con ng- ời, một biểu hiện độc đáo và gây ấn t- ợng nhất. Con ng- ời là sản phẩm của tự nhiên, lịch sử, xã hội và văn hoá, tới l- ợc nó, con ng- ời sẽ tạo nên lịch sử, xã hội và văn hoá ấy. Ch- a có địa ph- ơng nào ở n- ớc ta mà đ- ợc nhiều ng- ời góp bàn về tâm lý, tính cách nh- với con ng- ời Xứ Nghệ. Bùi D- ơng Lịch trong "Nghệ An ký" đã viết: "Ng- ời Nghệ An khí chất chất phác, đôn hậu, tính tình th- ờng chậm chạp, không sắc sảo cho nên làm việc gì cũng giữ gìn cẩn thận, bền vững, ít bị xáo động bởi những lợi hại tr- ớc mắt"⁷. GS. Đinh Gia Khánh đã phân tích tính cách của con ng- ời Xứ Nghệ: "Quen chịu gian khổ, cần cù, sinh hoạt tiết kiệm, gan góc, m- ầu trí, chịu khổ nh- ờng không chịu nhục, trong gan góc có b- ớng bình, trong trung thực có thô bạo, trong m- ầu trí có liêu lĩnh". Và ông còn nói thêm: "Khảng khái, thẳng thắn biết quên mình vì nghĩa lớn, có ý thức cộng đồng mạnh mẽ, thiết tha yêu quê h- ơng đất n- ớc là những nét tích cực trong tính cách con ng- ời Việt Nam nói chung, thì những nét ấy thể hiện một cách sắc cạnh, bộc trực nhất trong con ng- ời Nghệ Tĩnh"⁸. Vũ Ngọc Khánh thì lại nêu một vài khía cạnh tâm lý khác của con ng- ời Xứ Nghệ: "Lý t- ờng trong tâm hồn, khắc khổ trong sinh hoạt, cứng cỏi trong giao tiếp"⁹.

Ninh Viết Giao, một nhà "Xứ Nghệ học" nổi tiếng thì lại nêu cái bản ngã của Xứ Nghệ một cách khái quát hơn "Không có miền nào lại có bản ngã rõ rệt nh- ờng miền này... Có thể nói rằng có một tinh thần Nghệ Tĩnh. Tinh thần đó làm lộ một cách rõ rệt lòng phụng thờ, sự cố gắng cùng tinh thần nhẫn nại, kiên quyết của một dân tộc nông nghiệp chật vật giành lấy một chỗ sống d- ưới mặt trời"¹⁰. Còn ng- ời n- ớc ngoài thì nói về Xứ Nghệ: "Nghệ Tĩnh là một trong những miền ở Đông D- ơng nổi bật nhất, độc đáo nhất. Dân chúng tỉnh này tính tình cứng cỏi, thích làm bạn với văn ch- ơng, say s- ả lao động và cam chịu đựng tr- ớc sự bạc bẽo của đất đai mà nó phải nuôi mình"¹¹.

Có lẽ cần phải nói thêm một tính cách quý báu nữa của con ng- ời Xứ Nghệ, đó là sự ham mê chuyên cần học hỏi, học không chỉ để hiểu biết mà học còn để "đổi đời" nữa. Do vậy, ít nhất từ thời Lê đến nay, Xứ này có đội ngũ trí thức đông đảo, trong đó không ít ng- ời trở thành con ng- ời tiêu biểu cho trí thức Việt Nam. Ngay từ thế kỷ XIII, Lê Trác đã nhận xét : "Ng- ời Hoan Diễn thuần hậu, tuấn tú, hiếu học". Vào thời Trần, để khuyến khích "vùng sâu vùng xa", triều đình đã đặt ra học vị "Trại Trạng nguyên", có tính cách nâng đỡ so với "Kinh Trạng nguyên", nh- ng sau này càng có nhiều ng- ời "đất trại" (tức Xứ Nghệ) đỗ đạt cao. Nếu thời Lý, đất Hồng Lam (Xứ Nghệ) chỉ chiếm 1/16 số ông nghè toàn quốc, thì suốt 39 khoa thi Hội, thi Đình thời Nguyễn, học trò đất Hồng Lam đã chiếm ngót 1/5 tổng số¹².

⁷ Trích từ : Nguyễn Đồng Chi (chủ biên). Văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh, Nxb. Nghệ An, 1995.

⁸ Đinh Gia Khánh. Thử tìm hiểu cơ sở xã hội của vùng văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh, trong "Văn hoá truyền thống các tỉnh bắc Trung Bộ", Nxb. KHXH. H, 1997.

⁹ Vũ Ngọc Khánh. Văn hoá truyền thống Xứ Nghệ và h- ơng phát triển trong thời đại mới, trong "Văn hoá truyền thống các tỉnh" Sdd.

¹⁰ Ninh Viết Giao. Câu đố Việt Nam, Nxb. Văn Sử Địa. H, 1958.

¹¹ Trích qua : Nguyễn Đồng Chi (chủ biên). Địa chí văn hoá ... Sdd.

¹² Nguyễn Đồng Chi (chủ biên). Sdd.

Có một nhân vật trí thức của Xứ Nghệ, đó là "ông đồ Xứ Nghệ", một con ng- ời thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân gian và bác học. Các ông đồ Xứ Nghệ là những trí thức học chữ Thánh hiền, nh- ng vì lý do nào đó mà không đỗ đạt cao hơn, do vậy không thể ra làm quan, đành quay trở về thôn quê làm nghề dạy học. Họ là trí thức, nh- ng thân phận lại nh- nông dân, gần gũi với nhân dân, thấu hiểu những cay cực của ng- ời nông dân trong xã hội phong kiến và có khi trở thành ng- ời đại diện và phát ngôn cho nguyện vọng của nhân dân. Có khi tiếng nói của họ là tiếng nói phản kháng đối với chế độ thối nát đ- ơng thời, có khi họ trực tiếp đứng lên kêu gọi nông dân khởi nghĩa chống lại triều đại phong kiến.

Về văn hoá, họ là nhân vật chính ở nông thôn đóng góp tích cực vào việc bảo tồn và phát triển văn hoá truyền thống. Thí dụ, Xứ Nghệ rất phát triển các thể loại vè, mà vừa qua bộ *kho tàng vè Xứ Nghệ* đã xuất bản tới 9 tập, trong đó nội dung chính của vè là đề cập tới các vấn đề thời cuộc, chính trị, xã hội. Các ông thầy đồ Xứ Nghệ là các tác giả chủ yếu của thể loại văn học dân gian này¹³. Ngoài ra, họ còn tham gia vào việc xây dựng, giữ gìn các nghi lễ, phong tục, hội hè ở nông thôn, là tác giả chính của các bản h- ơng - ớc, khoán - ớc của làng xã...¹⁴

Tuy nhiên, phải ở môi tr- ờng Xứ Nghệ, thì các ông thầy đồ mới trở thành ông đồ Xứ Nghệ với tính cách c- ơng trực, cứng cỏi có pha chút "gàn gàn". Họ sống cuộc sống nghèo khó, tần tặn, nhiều ng- ời phải khoác khăn áo đi khắp nơi làm nghề gia

s- gõ đầu trẻ kể kiếm miếng cơm manh áo. Ông đồ Xứ Nghệ nghèo khó nh- ng không hề hèn kém.

Ng- ời ta nói nhiều tới tính "gàn" của con ng- ời Xứ Nghệ: *Không đi không biết Nghệ An/Đi rồi mới thấy nó gàn làm sao*. Vậy cái gọi là "gàn" ở đây là gì ? Phải chăng đó là trạng thái tâm lý mà ở đó có sự khác biệt, xung đột giữa lý trí và hiện thực, bất hiện thực phải theo chiều t- duy của lý trí, từ đó dẫn đến sự nhận thức và hành động có phần lệch chuẩn.

6. Ở Xứ Nghệ, *dòng văn hoá bác học và dân gian đều rất giàu có, phong phú và đa dạng*. Nói đến văn hoá, văn học dân gian Xứ Nghệ, tr- ớc nhất phải nói tới ngôn ngữ, tiếng nói. Giọng nói là thông tin đầu tiên và ấn t- ợng nhất của con ng- ời Xứ Nghệ, là một ph- ơng ngữ độc đáo của tiếng Việt. Về thanh điệu, tiếng Nghệ nghe "nặng", có phân trúc trắc, thô phác, hầu nh- không có sự phân biệt giữa thanh "ngã" và thanh "nặng"; về vốn từ thì so với các ph- ơng ngữ khác của tiếng Việt, nó còn bảo l- u khá nhiều yếu tố của ngôn ngữ Việt cổ hay tiền Việt-M- ờng. Theo Nguyễn Đông Chi, khi nghe hát giặm Nghệ Tĩnh, có "*chất chứa một cái gì chất phác của con ng- ời thời cổ hay của con ng- ời ở chốn núi rừng mà cuộc sống còn giản đơn và cách biệt*". Ngay trong ph- ơng ngữ Xứ Nghệ cũng có nhiều thổ ngữ, ớc đảo thổ ngữ, khiến ng- ời dân ở đây có quan niệm, nơi này nói "nặng", nơi kia nói "chua", nói "ngọt"...

Còn hơn cả văn học bác học, Xứ Nghệ l- u giữ kho tàng văn hoá dân gian thật phong phú và độc đáo, với tất cả các hình thức và thể loại, nh- truyện cổ, huyền thoại, truyền thuyết, ca dao, vè, thành ngữ, tục ngữ; các hình thức kiến trúc điêu khắc, hội hoạ, trang trí dân gian; các hình

¹³ Ninh Viết Giao (chủ biên). *Kho tàng vè Xứ Nghệ*. Nxb. Nghệ An, 1999-2002.

¹⁴ Ngô Đức Thịnh. *Tìm hiểu luật tục các tộc ng- ời ở Việt Nam*. Nxb. KHXH. H, 2003.

thức dân ca, dân nhạc, trò diễn, sân khấu; về tín ng- ỡng, phong tục, lễ hội; về tri thức dân gian... Trong các hình thức kể trên, có lẽ *tiêu biểu và phong phú hơn cả vẫn là văn học truyền miệng, các hình thức diễn x- ướng và tri thức dân gian*. Còn các di tích kiến trúc tín ng- ỡng, tôn giáo, nhà ở, trang phục, vật dụng thì một phần do môi tr- ờng địa lý, do cuộc sống quá thiếu thốn, và phần khác do sự tàn phá quá khốc của con ng- ời, cho nên tới nay hầu nh- không còn gì thật đáng kể. Nói cách khác, các khía cạnh văn hoá phi vật thể của Xứ Nghệ tồn tại một cách bền chắc và phong phú hơn nhiều so với các hiện t- ượng văn hoá vật thể.

Tự sự dân gian truyền miệng khá phong phú: bên cạnh truyện kể dân gian, các thể loại khác, nh- giai thoại, vè, ngụ ngôn, truyện trạng, thần thoại... cũng rất phát triển. Các hình thức truyện c- ời kết hợp với tục nói trạng của các làng trạng, các mảnh vỡ của các thần thoại vẫn còn lấp lánh những yếu tố cổ sơ, qua đó chúng ta có thể phục nguyên đ- ợc hệ thống thần thoại và sử thi cổ của dân tộc. Truyện ngụ ngôn vốn không đ- ợc phong phú lắm ở các địa ph- ơng thì ở đây chúng ta cũng có thể bắt gặp nhiều kiểu loại. Đặc biệt là vè với hàng ngàn bài khác nhau, ngoài nội dung xã hội chính trị là chính thì ở Xứ Nghệ các bài vè về kinh nghiệm sản xuất, nhất là nghề biển còn bảo l- u khá nhiều, chứa đựng những tri thức dân gian mà ngày nay vẫn còn có tác dụng thực tiễn.

Trong kho tàng truyện kể dân gian này, chúng ta còn thấy đ- ợc những yếu tố chung cả n- ớc và các sắc thái địa ph- ơng. Bên cạnh những truyện đ- ợc lan truyền rộng, nh- truyện Tả Ao, truyện Liễu Hạnh công chúa..., lại có những chùm truyện chỉ phổ biến ở địa ph- ơng, nh-

truyện Cố Bọ, truyện Phạm Viên. Ngay trong địa bàn Xứ Nghệ, có vùng phong phú về truyện cổ tích, truyền thuyết nh- quanh Hồng Lĩnh; nơi dồi dào truyện khôi hài, tiêu lâm nh- ở Thanh Ch- ơng, Can Lộc. Truyện Cố Bọ, truyện các lò vật rất thịnh hành ở Nam Đàn, H- ng Nguyên, còn phía nam Nghệ Tĩnh từ Đò Lách trở vào thì phổ biến truyện Liễu Hạnh, truyện các loài thú vật. Có làng ng- ời ta nhớ về, kể về nh- Hậu Luật, Trung Ph- ơng, nh- ng có làng lại - a kể truyện nôm, thoại chèo Ích Hậu, Tr- ờng L- u...¹⁵.

Ví và *giặm* là hai hình thức dân ca rất phổ biến và độc đáo của Xứ Nghệ. Thể loại dân ca hát giặm từ lâu đã mang tên Nghệ Tĩnh, để nói rằng không có nơi nào phổ biến loại dân ca này nh- Xứ Nghệ. Hát giặm độc đáo không chỉ gắn với tiếng nói Xứ Nghệ, mà còn cả về ph- ơng diện âm nhạc nữa. Nội dung của hát giặm bày tỏ thái độ, tâm t- , tình cảm, t- t- ờng của ng- ời Xứ Nghệ, d- ới hình thức các câu thơ, thể năm câu, bắt vần l- ng. Diễn x- ướng của hát giặm theo hai hình thức: 1) Hát giặm đối đáp nam nữ và hát giặm độc thoại. Hát đối đáp nam nữ xoay quanh đề tài tình yêu, th- ờng là qua các b- ớc: Hát dạo, hát chào, hát đố, hát xe kết và hát tiễn. Tuy phổ biến rộng khắp, nh- ng hát giặm phát triển và bảo l- u lâu bền hơn cả là vùng Thạch Hà, Cẩm Xuyên, ngoài ra còn có ở Đô L- ơng, H- ng Nguyên. Hiện tại hình thức hát giặm đã bị mai một, mất mát nhiều¹⁶.

Cùng với hát giặm, *hát ví* cũng là một hình thức dân ca quen thuộc của ng- ời Xứ

¹⁵ Ninh Viết Giao (chủ biên). *Kho tàng truyện kể dân gian Xứ Nghệ* (4 tập), Nghệ An, 1994.

¹⁶ Hoàng Tiến Tựu, Hoàng Thọ. *Thơ ca nhạc dân gian*, trong "Địa chí văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh", Sdd.

Nghệ, nói cách khác, không nơi nào ở Xứ Nghệ là không có hát ví. Ở Quỳnh Lưu, Thanh Chương gọi hình thức hát này là *hát ghẹo*. Khác với hát ghẹo thông thường âm điệu thể hiện khía cạnh khác khổ, cứng rắn của con người Xứ Nghệ, hát ví, tức hát đối đáp nam nữ, âm điệu thực êm ái, tha thiết, dịu dàng, tình tứ. Tuy nhiên, diễn xướng hát ví lại thông gắn với môi trường lao động của từng loại nghề nghiệp, vừa lao động dưới ánh trăng đêm vừa hát ví, như :

Ví phường vải, tiêu biểu ở Nam Đàn.

Ví phường nón, tiêu biểu ở Nghi Xuân, Kỳ Anh, Thạch Hà.

Ví phường đan, tiêu biểu ở Nghi Lộc, Thạch Hà.

Ví phường bện vòng, tiêu biểu ở Kỳ Anh, Diễn Châu.

Ví phường chắp gai đan lưới ở các làng ven biển.

Ngoài ra, các nơi khác còn hình thức hát ví *phường róc cau*, *ví phường lau mía*, *ví phường cấy*, *ví phường gặt*, *ví đò đũa* hay *ví phường nóc (thuyền)*, *ví phường buôn*, *ví phường củi*, *ví phường cỏ*... Tuy nhiên trong các hình thức hát ví trên, hát ví phường vải là phổ biến hơn cả, nề nếp là lề luật hát cũng ổn định hơn. Ví phường vải không gắn với nghi lễ, hội hè gì, mà thông hát ví ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào, gắn với sinh hoạt xe sợi, dệt vải bình thông của người nông dân.

Thủ tục của một cuộc hát ví phường vải quy mô thông diễn ra theo ba chặng, *chặng đầu* gồm hát dạo, hát chào, hát mừng và hát hỏi, tức là gặp gỡ, chào hỏi. *Chặng giữa* là hát hát đố, hát đối, đòi hỏi hai bên nam nữ vận dụng trí tuệ, sự khéo léo, lịch lãm. Bên hát đố, hát đối này thông có sự tham gia của các nhà nho

đóng vai trò là "Trùm đầu", nên nhiều khi trong đối đáp sử dụng các điển tích dùng chữ nghĩa khá uyên bác, hiểm hóc. *Chặng cuối* là hát mời, hát xe kết và hát tiễn¹⁷. Tất nhiên đây là các chặng của cuộc hát quy mô, chứ bình thông, nhất là lúc lao động ngoài đồng, thời gian eo hẹp thì cuộc hát không phải lúc nào cũng diễn ra theo lề luật từng chặng như vậy.

Trong công trình nổi tiếng "Địa chí văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh" do Giáo sư Nguyễn Đông Chi chủ biên, có phần "Tri thức dân gian" đặc biệt gây ấn tượng vì không chỉ vấn đề này lâu nay các nhà Folklore học nước ta chưa chú ý sâu, nghiên cứu, mà còn về sự phong phú, độc đáo của nó và có thể coi đây như là mẫu mực của việc nghiên cứu vấn đề này.

Nguyễn Đông Chi đã trình bày vấn đề tri thức dân gian Xứ Nghệ trên khá nhiều phương diện. Người Xứ Nghệ không chỉ sáng tạo một kho tàng tri thức dân gian cực kỳ phong phú, mà còn giữ gìn, bảo lưu vốn tri thức này cho tới tận ngày nay. Tri thức dân gian Xứ Nghệ thể hiện trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống con người và đặc biệt hơn là phần lớn được đúc kết dưới dạng các câu thành ngữ, tục ngữ, phương ngôn mang sắc thái địa phương Xứ Nghệ rõ rệt, không thể trộn lẫn với các địa phương khác.

Một trong các lĩnh vực tri thức dân gian mà con người tích lũy được là tri thức về môi trường, nơi mà mỗi con người hay cộng đồng từ khi mới sinh ra đã gắn bó mật thiết. Đó là tri thức về đất đai, rừng rú, về biển cả, về thời tiết, mùa nắng, lũ lụt... Thông những tri thức kinh nghiệm

¹⁷ Hoàng Tiến Tựu, Hoàng Thọ. *Thơ ca nhạc dân gian*, trong "Địa chí văn hoá dân gian ..." Sđd.

này gắn với đặc điểm từng địa phương, ví dụ :

Mây áp núi Xóc, hứng nước cho mau
(vùng Quỳnh Lưu).

Khi mô Rú Quyết có mây, Cửa Lò có chớp
ngày rày hắt mặt (vùng Nghi Lộc).

Bao giờ Đại Huệ mang trời, Rú Dụn đội
nón thì trời hắt mặt (vùng Nam Đàn)...¹⁸

Các tri thức về "Địa lý dân gian", trong đó gồm địa lý tự nhiên, địa lý lịch sử và cả địa lý phong thủy nữa. Các câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ nói về sông núi, đất đai, về lâm thổ sản từng địa phương, trong đó vừa chứa đựng những hiểu biết sâu sắc về phong thổ quê hương xứ sở, vừa có cái gì đó bày tỏ niềm tự hào về quê hương mình. Thí dụ: "*Đất Thọ Lang (Thanh Chương) lắm cam nhiều quýt, đất Rú Mít cả quýt lẫn bông*" hay "*Trầu rừng, cau rế, thuốc xanh, ai muốn về Ke Nậu với anh thì về*"... Một số địa phương có hẳn những bài ca nói về địa đò, địa đòng từng địa phương, như bài *Địa đò Nghệ An, Địa đòng Phú Lưu (50 câu), địa đòng Quỳnh Lưu (134 câu)*...

Tri thức dân gian còn đợc tích lũy và thể hiện trên các lĩnh vực sản xuất, như trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt cá, làm thủ công... Như chúng tôi đã nói, kinh nghiệm đánh bắt cá biển ở Xứ Nghệ không chỉ thể hiện qua các câu thành ngữ và tục ngữ, theo kiểu "*Chập choạng, rạng trời, con cá nục chịu rạo, ai tốt môi ra câu*", mà còn có hàng loạt các bài về nói về kinh nghiệm đánh bắt tôm cá ở biển¹⁹. Phong phú hơn cả là những kinh nghiệm, tri thức về y đợc dân gian và có lẽ chính vì vậy

mà ở nơi đây đã sản sinh ra những danh y nổi tiếng, trong đó có Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác ở thế kỷ XVIII.

7. *Truyền thống văn học, văn hoá bác học* của Xứ Nghệ cũng thật phong phú. Như phần trên đã nói, Xứ Nghệ ít nhất là từ thời Lê đã nổi tiếng là đất hiếu học. Bên cạnh lớp nho sĩ thôn quê là các ông thầy đồ Nghệ, không ít những người đỗ đạt, ra làm quan và trở thành những trí thức lớn, nổi tiếng một thời. Về mặt "trú th- lập ngôn", các nhà nho Xứ Nghệ ở các thời đại đều đóng góp những tác phẩm có giá trị gắn với tên tuổi những con người, như Hồ Tông Thốc, Nguyễn Du với "Hồng Sơn văn phái", Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Phan Bội Châu... Ngoài ra, Xứ Nghệ cũng nổi tiếng là đất đợc nhiều trí thức quan tâm, thể hiện qua các tác phẩm loại ký sự, nhân vật chí, xã chí, huyện chí, tỉnh chí, di tích thắng cảnh, các sưu tập, chuyên khảo... Nhấn mạnh tầng lớp nho sĩ và nền văn học viết của Xứ Nghệ là để nói ba điều, *thứ nhất*, trong việc hình thành và phát triển văn hoá dân gian ở Xứ Nghệ không thể tách rời vai trò của tầng lớp trí thức này. Họ là những người trực tiếp sáng tạo và góp phần nâng cao, phổ biến văn hoá dân gian, bởi ở họ có những điều kiện vừa gần gũi thấu hiểu tâm nguyện vọng của nhân dân, vừa có tri thức, khả năng sáng tạo và bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống. *Thứ hai*, những sáng tạo bác học của họ một phần quan trọng là từ trí tuệ, tài năng của dân gian, đợc họ chất lọc, nâng cao, và trong nhiều trường hợp lại đợc dân gian hoá, làm giàu cho kho tàng dân gian. Truyện Kiều của Nguyễn Du là thí dụ điển hình cho quá trình biến đổi đó. Do vậy, có văn hoá dân gian và văn hoá bác học, chuyên nghiệp,

¹⁸ Nguyễn Đông Chi (chủ biên). *Địa chí văn hoá dân gian*... Sđd.

¹⁹ Ninh Viết Giao. *Kho tàng về Xứ Nghệ*... Sđd.

tuy nhiên lại không có ranh giới thật rõ rệt giữa chúng. *Thứ ba*, trong điều kiện một vùng "trại", "phên dậu", điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai không màu mỡ, kinh tế khó khăn, Xứ Nghệ không chỉ là một vùng văn hoá dân gian giàu có, đầy tiềm năng, mà còn là vùng có nền văn hiến, văn minh phát triển, để lại không chỉ những tr- ớc tác nổi tiếng mà còn đội ngũ khá đông đảo những ng- ời hiền tài. Nguyễn Đồng Chi trong công trình "Địa chí văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh" đã đ- a ra quan điểm cho rằng Nghệ Tĩnh cũng đã từng là một trung tâm văn minh của đất n- óc²⁰.

8. Ng- ời Xứ Nghệ có đời sống tâm linh khá đa dạng, thể hiện tâm thức của ng- ời dân không chỉ canh tác nông nghiệp ở đồng bằng, mà còn của ng- ời ng- dân đánh bắt cá trên biển, ng- ời sinh tồn trong môi tr- ờng rừng núi. Tuy nhiên, có lẽ ở Xứ Nghệ, tín ng- ỡng Tứ Vị Thánh N- ơng là tiêu biểu của ng- dân và từ đây, tín ng- ỡng này có sự lan toả rộng ra các nơi khác dọc biển từ bắc tới nam.

Tục thờ Tứ Vị Thánh N- ơng hiện rất phổ biến ở nhiều làng ng- ời Việt ven biển từ bắc vào nam, ngoài ra còn thấy ở các làng ven sông lớn nằm sâu trong đồng bằng. Tuy nhiên, tục thờ này phổ biến nhất vẫn là ven biển bắc Trung Bộ, mà trung tâm là Đền Cờn (Nghệ An). Theo Ninh Viết Giao, ngoài Đền Cờn còn có 30 làng khác nữa ở Quỳnh L- u (Nghệ An) thờ Tứ Vị Thánh N- ơng. Riêng huyện Hoàng Hoá (Thanh Hoá) cũng có 20 làng thờ Tứ Vị Thánh N- ơng²¹. Nhiều nơi ở ven

biển Bắc Bộ thờ Tứ Vị Thánh N- ơng d- ới dạng thờ Tống Hậu, Thiên Hậu. Ở Nam Bộ tục thờ này còn thấy ở cả vùng Đồng Nai, Sông Bé ăn sâu vào nội địa. Bởi thế, có thể nói, cùng với thờ Cá Ông, tín ng- ỡng Tứ Vị Thánh N- ơng là tín ng- ỡng phổ biến và có vai trò quan trọng nhất trong tâm linh của ng- dân ng- ời Việt.

Với những t- liệu hiện nay, chúng ta có đ- ọc những dị bản huyền thoại khác nhau về tục thờ Tứ Vị Thánh N- ơng.

Phổ biến hơn cả và có thể muộn màng hơn cả là huyền thoại Tứ Vị Thánh N- ơng liên quan tới *Tống hậu và các công chúa của nhà Nam Tống*. Có thể tóm tắt nh- sau: Năm 1276 quân Nguyên Mông ô ạt tấn công Nam Tống khiến hàng vạn quân Tống bị đánh tan. Tháng 1-1279, quân Nguyên tấn công căn cứ cuối cùng của Nam Tống. Trong lúc nguy khốn, Thái Hậu và các công chúa nhà Tống xuống thuyền chạy về phía Quảng Đông nh- gặp gió mạnh thuyền bị đắm, mọi ng- ời đều chết. Lúc đó, bồng xuất hiện Rồng vàng tới hộ giá Mẫu Hậu và ba vị công chúa trôi dạt tới biển Cờn Hải (Nghệ An) và đ- ọc vị s- già chùa Quy Sơn cứu sống và trú ngụ tại đó.

Sau một thời gian ở trong chùa, bồng có điều dị nghị về vị s- già với Tống Hậu. Vị s- già không biện bạch đ- ọc bèn khẩn Phật và nhảy xuống biển tự vẫn. Mẫu Hậu và ba vị công chúa thấy vị s- già vì mình mà chịu oan khuất cũng liều mình nhảy xuống biển chết theo, xác của họ dạt vào cửa Cờn Hải. Họ hiển linh và đ- ọc dân lập đền thờ và phong là *Nam Hải Phúc Thần* cai quản 12 cửa biển. Từ đó phàm những ng- ời đi biển đều đến cầu đảo Tứ Vị Thánh N- ơng và linh nghiệm.

²⁰ Nguyễn Đồng Chi (chủ biên), Sdd.

²¹ Ninh Viết Giao. *Địa chí Quỳnh L- u*. Nxb. Nghệ An, 2001.

Sau này, vua Trần Anh Tông, Lê Thánh Tông đi chinh phạt giặc Chiêm ở phương nam đi theo đường biển được Tứ Vị Thánh Nương hiển linh và trợ giúp. Sau khi thắng trận trở về, các vua Đại Việt đều lễ tạ và phong thần *Quốc Mẫu Vương Bà Tứ Vị Thánh Đẳng Thân* và *Đại Càn Thánh Nương Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương Thánh Đẳng Thân*. Sự kiện này đã được sách *Việt Điện u linh* của Lý Tế Xuyên chép. Tuy nhiên, hiện nay trong sách cổ cũng như trong các ngọc phả, thần tích, huyền thoại truyền miệng có sự khác nhau về Tứ Vị Thánh Nương. Ngoài Tống Hậu còn ba vị kia là ai? công chúa, người hầu, vua Đế Bính...?

- Khác với huyền thoại trên, ở Phú Nghĩa còn lưu truyền một huyền thoại về Tứ Vị Thánh Nương liên quan đến đời sống của hoàng tộc thời cổ xưa. Truyện kể rằng: một hoàng hậu đã sinh được 2 quý nương mà tuổi tác nhà vua đã cao nên rất muốn sinh con trai để kế vị. Lúc Hoàng hậu có mang lần thứ ba, nhà vua bảo rằng "Nếu sinh con gái thì cứ bóp chết đi!". Quả thực lần đó Hoàng hậu sinh con gái. Tới khi nhà vua về, biết chuyện, sai đây 2 mẹ con hoàng hậu ra đảo xa ngoài biển. Gặp biển động, họ dạt vào cửa Cờn rồi ở lại đó tới khi chết và sau đó, hiển linh thành *Nam Hải Đế Thần*, chủ việc mưa gió ở ngoài biển.

Trong sách của Tạ Chí Đại Trùng nói rằng theo Ô Châu Cận Lục của Dương Văn An thì lại gắn sự tích trên vào đời Hùng Vương thứ 13 với câu chuyện ly kỳ liên quan tới một âm mưu của một thứ phi do muốn tranh giành ngôi báu nên đã sai cắt bộ phận sinh dục của một hoàng tử nhỏ mới sinh, nên sau đó bị lưu đày, chết ở

giữa biển và hiển linh thành thần²².

- Trong một huyền thoại khác, sự tích Đền Cờn lại liên quan tới việc trôi dạt của một "cây gỗ thần". Một đêm, ở thôn Càn Miếu có cây gỗ thần trôi về, dân làng không biết đã xúc phạm tới, nên gỗ thần trôi xuống làng Phú Lương. Một người Phú Lương ra bãi sông thấy gỗ lạ, lấy dao chặt thử, bỗng thấy toát ra hương thơm. Biết đó là gỗ thần, nên dân Phú Lương lập đền thờ, từ đó dân làng đánh bắt được nhiều tôm cá. Sau đó dân Càn Miếu ân hận nên lập miếu xuống khiêng gỗ quý về. Do được Tiên nữ ở Long Vương báo mộng, dân làng chuẩn bị làm đền thờ. Không ngờ sau một đêm mưa to gió lớn, gỗ từ đâu trôi về đủ để xây đền, dân làng tin đó là gỗ của thần linh. Do vậy đền được làm xong, gỗ thơm tạc thành tượng thờ, làng Càn Miếu đổi thành Hương Càn (Phong Càn). Và từ đó có tục *Chạy ói* trong lễ hội Đền Cờn, tái hiện lại sự tích tranh cây gỗ thần giữa hai làng Phong Càn và Phú Lương²³.

Qua huyền thoại và việc thờ cúng Tứ Vị Thánh Nương ở nhiều nơi, nhất là ở Đền Cờn chúng ta có thể nhận biết được gì? Trước nhất, đây là một nữ thần biển, mà trong huyền thoại kể trên nói là Tiên nữ thuộc Long Vương, nàng ẩn mình trong cây gỗ thơm, trôi dạt đến Phong Càn, hiển linh trợ giúp nghề cá, nên được dân thờ phụng. Huyền thoại này nhắc ta nhớ tới huyền thoại Pôn In - Gar - Bà mẹ sứ xứ của Chăm. Nàng cũng ẩn mình vào cây gỗ thơm, trôi dạt tới Trung Hoa và đã hiển

²² Tạ Chí Đại Trùng. *Thần, Ngời và đất Việt*, Văn Nghệ, California, 1989.

²³ Ngô Đức Thịnh (chủ biên). *Văn hoá dân gian làng ven biển*. Nxb. Văn hoá dân tộc. H, 2000.

linh, kết duyên với Hoàng tử Trung Quốc.

Ở nhiều nơi, tuy d- ới hình thức Tứ Vị Thánh N- ơng nh- ng thực ra chỉ có một nữ thần hiển linh là Tống Hậu hay Thiên Hậu; có nơi nhập Tống Hậu và Thiên Hậu làm một. Vị nữ thần này lan truyền tới mọi nơi dọc theo bờ biển cũng d- ới dạng bức t- ợng trôi hay gỗ thần trôi. Thí dụ, tại đền thờ Thánh mẫu tại làng Trà Cổ (Quảng Ninh) có thờ Thiên Hậu là vị thần chủ. T- ợng truyền vào ngày 23 tháng 3 (tức dịp thờ Mẫu- tháng 8 giỗ cha, tháng 3 giỗ mẹ) có bức t- ợng nữ thần trôi vào bờ biển nơi ngày nay có ngôi đền thờ Thánh Mẫu. Lúc đó có một tốp thợ mộc đang xây cất nhà, trong đó có một ng- ời đã xúc phạm tới bức t- ợng, liền bị trừng phạt. Thấy vậy, dân làng vớt t- ợng lên và lập đền thờ.

Có lẽ huyền thoại Tứ Vị Thánh N- ơng liên quan tới Tống Hậu hay một vị hoàng hậu hay thứ phi nào đó của triều đình Việt Nam là lớp văn hoá tín ng- ỡng có sau. Dù d- ới dạng Tứ Vị (một hoàng hậu và 3 công chúa) hay chỉ một mình Tống Hậu, đã trở thành Mẫu và nhập vào hệ thống *tín ng- ỡng thờ Mẫu* của ng- ời Việt, thậm chí ở cả Mẫu Tam Phủ- Tứ Phủ nữa. Cũng vì lẽ đó mà hệ thống nữ thần Tứ Vị Thánh N- ơng hay Tống Hậu đã theo các dòng sông "trôi dạt" vào sâu trong nội địa và nhập vào dòng Long V- ơng- Thoải Phủ.

Nếu căn cứ vào các t- ớc hiệu của Tứ Vị Thánh N- ơng đ- ọc các v- ơng triều Đại Việt ban tặng: "Đại Càn Thánh N- ơng...", "Đại Càn Quốc Gia Nam Hải" thì ng- ời ta tự hỏi t- ớc hiệu "Đại Càn" này là gì? chữ "càn" trong t- ớc hiệu "Đại Càn" là từ chữ "càn" trong "Càn khôn" của kinh dịch, nó

không liên quan gì tới nguồn gốc của vị thủy thần này. Tuy nhiên, theo nh- Bình Nguyên Lộc và nhiều nhà ngôn ngữ học, lịch sử gần đây, thì chữ "càn" là từ gốc ngôn ngữ Nam đảo: càn = kan = cá. Nh- vậy, nếu giải thích theo ngữ âm lịch sử chú không phải là phiên âm của Trung Quốc thì Tứ Vị Thánh N- ơng có gốc tích từ tục thờ cá, nữ thần cá. Nếu giả thuyết đó là đúng thì nơi thờ chính, nơi phát tích của huyền thoại Tứ Vị Thánh N- ơng là Đền Cờ ở Cửa Cờn, tức *đền thờ cá*. Điều này có gì trùng hợp với việc thờ *Bà Càn* ở nhiều nơi dọc duyên hải Trung Bộ, nh- ở Nh- ợng Bạ (Hà Tĩnh), Bà Càn trở thành vị thành hoàng của làng.

Tạ Chí Đại Tr- ờng trong "Thần, Ng- ời và Đất Việt" cho rằng có mối liên hệ xa hơn giữa huyền thoại và tục thờ cúng Tứ Vị Thánh N- ơng với tín ng- ỡng cổ của ng- ời Chăm. Theo ông, Tứ Vị Thánh N- ơng là nữ thần biển có nguồn gốc từ văn hoá Chăm- đó là thần *Po Riyak* (Po Rayak) là vị thần sông biển mà ở cuối thế kỷ XIX ta còn thấy ngôi đền thờ bằng gỗ ở Mũi Dinh. Vốn Po Riyak là một nam thần sau đó chuyển hoá giới tính thành nữ thần và nhập vào hệ thống thờ Tứ Vị Thánh N- ơng của ng- ời Việt²⁴.

Từ những t- liệu và phân tích trên, chúng ta tạm thời nêu ra một giả thuyết về sự biến đổi của nữ thần biển Tứ Vị Thánh N- ơng. Tất nhiên, đây chỉ mới là giả thuyết để làm việc, do vậy t- liệu thực tế sắp tới sẽ củng cố hay bác bỏ giả thuyết mà chúng tôi nêu ra:

- Lớp sớm nhất của tín ng- ỡng Tứ Vị

²⁴ Tạ Chí Đại Tr- ờng. Sdd.

Thánh N-ong là lớp tín ng-ỡng thờ cá (kàn, càn) của dân bản địa (ng-ời Việt hay ng-ời Chăm). Sau này nó đ-ợc linh thiêng hoá thành Tiên Nữ, thành Thần biển mang tính nữ - nữ thần.

- Muộn hơn, tín ng-ỡng thờ cá và nữ thần Biển này đã tiếp thu các ảnh h-ởng của Trung Hoa hay Đại Việt và có thể cả hệ thống thần linh Chăm để *nhân hoá và lịch sử hoá* thành hệ thống *nhân thần* mà x- a nay triều đình phong thần với các t-ớc hiệu *Tứ Vị Thánh N-ong*, *Đại Càn Thánh N-ong*. Đây cũng là lúc các quan niệm về trung, hiếu, tiết, nghĩa của Nho giáo đ-ợc đ-à vào nhằm biểu d-ơng và nâng cao ý nghĩa xã hội và đạo đức của các vị thần linh. Đặc biệt sau khi hiển thánh, Tứ Vị Thánh N-ong đã trở thành lực l-ợng hỗ trợ cho sự nghiệp dựng n-ớc và giữ n-ớc của các triều đại phong kiến Đại Việt.

9. Xứ Nghệ trong lịch sử cũng nh- hiện nay tuy mật độ dân c- không cao, nh- ng lại có động năng dân số khá lớn. Theo *Tiền Hán th*, khoảng thế kỷ I tr-ớc công nguyên, huyện Hàm Hoan (tức Nghệ Tĩnh ngày nay), có 5.000 hộ, khoảng 20.000 nhân khẩu. Còn theo *Hậu Hán th*, khoảng thế kỷ I sau công nguyên, vùng này có 6.000 hộ, 30.000 nhân khẩu. Còn đến thế kỷ VII, theo *Tuỳ th*, vùng này có 9.915 hộ. Sách *Việt điện u linh* cho biết thời Lý ở châu Nghệ An (gồm cả Hà Tĩnh) có 46.450 hộ, và 54.364 suất đinh. Còn theo thống kê dân số của quân xâm l-ợc Minh thì vào năm 1417 phủ Nghệ An có 7.660 hộ, 16.066 nhân khẩu. Cho đến năm 1819, Nghệ An có 65.400 đinh. Còn ngày nay, dân số Nghệ Tĩnh có 3.121.500 ng-ời (1986), tốc độ tăng dân số trên 2%, thuộc

vùng có dân số đông và tốc độ tăng dân số cao so với cả n-ớc²⁵.

Trong lịch sử cũng nh- hiện nay, c- dân Xứ Nghệ đã và đang có khuynh h-ớng chuyển c- cao. Trong lịch sử, nhất là từ thế kỷ XV, một số nhóm dân c- ở đây đã chuyển c- lên phía bắc, nhất là vùng duyên hải Bắc Bộ, thậm chí lên miền núi. Các dòng họ thổ ty Tày ở Lạng Sơn, có họ có nguồn gốc từ ng-ời Việt Nghệ An²⁶. Sau khi nhà Lý, Trần, Lê mở rộng c- ơng vực Đại Việt vào phía nam, thì nhà n-ớc đã huy động nhiều ng-ời từ Nghệ Tĩnh, Thanh Hoá vào khai phá vùng Thuận Quảng. Trong thời kỳ cận hiện đại, c- dân Xứ Nghệ đã đi đến nhiều tỉnh thành trên cả n-ớc, đặc biệt là đến các đô thị lớn, nh- Hà Nội, Hồ Chí Minh để sinh sống, do vậy tỷ lệ c- dân Xứ Nghệ ở đây khá cao. Khác với ng-ời Huế vào thành phố Hồ Chí Minh hay ra Hà Nội, họ vẫn chừng nào giữ phong cách Huế của mình, hay nh- ng-ời Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh thì lại hoà nhập với c- dân bản địa và nâng văn hoá vùng đất mới phát triển cao hơn, còn ng-ời Xứ Nghệ đi đến vùng đất mới lại rất dễ hoà nhập với ng-ời dân sở tại và vì thế chất văn hoá "Nghệ" ở họ có phần pha.

Nếu văn hoá Việt Nam ta là một bức tranh nhiều màu sắc thì văn hoá Xứ Nghệ cũng giống nh- Xứ Kinh Bắc, Xứ Quảng, Xứ Huế, Xứ Thái...là những mảng màu lớn, góp phần làm phong phú, đa dạng hơn nền văn hoá Việt Nam.

²⁵ Dẫn theo: Nhiều tác giả. *Nghệ Tĩnh hôm qua và hôm nay*. Sđd.

²⁶ Ngô Đức Thịnh. *Mảng màu Xứ Lạng trong văn hoá Việt Nam*, Tc. Văn hoá dân gian, Số 1, 1987.